

Số: 57 /2016/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề
khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3081/STC-QLNS ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu phí

1. Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000 đồng/hồ sơ.
2. Trường hợp gia hạn, bổ sung hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ.

Điều 2. Đối tượng chịu phí

Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được cơ quan có thẩm quyền thực hiện công việc thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp phí theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Đơn vị thu phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ tổ chức thu phí.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan thu phí tổ chức thu, nộp phí theo đúng mức thu phí quy định. Thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu phí tại trụ sở làm việc và tại nơi thu phí.

2. Khi thu phí đơn vị thu phí phải thực hiện lập và giao biên lai cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

3. Cơ quan thu phí được trích lại 50% (Năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào Ngân sách Nhà nước để chi theo chế độ quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

4. Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại (50%) cơ quan thu phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

5. Hàng năm, cơ quan thu phí phải lập dự toán và quyết toán thu, chi tiền thu phí theo quy định gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

6. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thay thế Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh.

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

